

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2025 XÃ SA THẦY

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ %	Dự kiến số vốn có khả năng giải ngân
			Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài	Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài		
	TỔNG CỘNG (A+B)		35.733,4	31.177,2	4.556,2	28.126,2	24.029,0	4.097,3	78,7	4.409,0
A	Chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào Dân tộc Miền núi		34.210,1	29.865,0	4.345,1	26.851,5	22.754,2	4.097,3	78,5	4.409,0
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		53,7	44,2	9,5	-	-	-	-	-
1	Nội dung số 03: Hỗ trợ đất sản xuất	Phòng Văn hóa và Xã hội	53,7	44,2	9,5	-	-	-	-	-
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết		13.902,3	9.863,0	4.039,3	9.826,9	5.787,6	4.039,3	70,7	2.231,4
1	Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư tập trung và tại chỗ thôn Đăk Wót, xã Hơ Moong, huyện Sa Thầy	BQLDA và DVCI	10.563,0	6.563,0	4.000,0	8.697,3	4.697,3	4.000,0	82,3	41,4
2	Dự án sắp xếp, ổn định dân cư Làng KĐìn, xã Mô Rai, huyện Sa Thầy	BQLDA và DVCI	3.339,3	3.300,0	39,3	1.129,6	1.090,3	39,3	33,8	2.190,0
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		19.298,1	19.001,8	296,3	16.261,1	16.203,1	58,0	84,3	2.021,7
III. 1	Tiểu Dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		19.298,1	19.001,8	296,3	16.261,1	16.203,1	58,0	84,3	2.021,7
5	Đường đi khu sản xuất làng Grập (Đoạn từ rẫy ông A Chung đến rẫy ông A Tèo)	BQLDA và DVCI	14,4		14,4	-			-	-
6	Đường đi khu sản xuất làng Grập: Đoạn từ Km00+334 đến cầu treo làng Grập	BQLDA và DVCI	26,4		26,4	-			-	-
7	Đường đi khu sản xuất thôn Khơk Klong từ cầu treo đến rẫy ông A Nhul, A Dít	BQLDA và DVCI	534,3	523,5	10,8	512,8	502,0	10,8	96,0	-
8	Đường đi khu sản xuất thôn Kram từ rẫy ông A Lút đến rẫy ông A Thoăn	BQLDA và DVCI	32,0		32,0	12,2		12,2	38,1	-
9	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Đe từ rẫy ông A Thia đến rẫy ông A Thik	BQLDA và DVCI	25,4		25,4	5,2		5,2	20,5	-

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ %	Dự kiến số vốn có khả năng giải ngân
			Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài	Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài		
10	Đường và hệ thống thoát nước thuộc đường từ cầu treo Gia Xiêng đi khu sản xuất (Km1+100 đến K2+100)	BQLDA và DVCI	2.771,0	2.771,0		2.699,0	2.699,0		97,4	8,1
14	Đường đi khu sản xuất thôn Lung Leng (đoạn nhà ông A Der đi rẫy ông A Hupt)	BQLDA và DVCI	1.547,0	1.547,0		1.500,7	1.500,7		97,0	4,3
17	Đường đi khu sản xuất Ya Mên (giai đoạn 1)	BQLDA và DVCI	700,0	700,0		695,7	695,7		99,4	4,0
20	Đường đi khu sản xuất làng Trang, nối tiếp đến Rừng keo	BQLDA và DVCI	55,5		55,5	4,1		4,1	7,4	-
21	Trường Mầm non Ya Xiêr. Hạng mục: Nhà hiệu bộ, 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	BQLDA và DVCI	3.554,0	3.554,0		1.526,7	1.526,7		43,0	1.973,7
24	Đường đi khu sản xuất Ya Bu (đoạn từ Lâm trường cũ đến rẫy ông Phạm Văn Cường)	BQLDA và DVCI	40,9		40,9	4,2		4,2	10,2	-
25	Đường đi khu sản xuất Ya Giang (Đoạn từ rẫy ông A Xuân đến rẫy ông Nguyễn Văn Bằng)	BQLDA và DVCI	54,9		54,9	3,8		3,8	7,0	-
26	Đường đi khu sản xuất 636 (Đoạn từ rẫy ông A Man đến rẫy ông A Ê)	BQLDA và DVCI	2.272,5	2.272,5		2.208,7	2.208,7		97,2	7,5
27	Đường đi khu sản xuất Ya Dát (Đoạn từ rẫy ông Phạm Văn Cường đến rẫy ông A Phai)	BQLDA và DVCI	1.207,5	1.207,5		1.141,3	1.141,3		94,5	14,7
29	Đường đi khu sản xuất nối tiếp rẫy ông Thân đến khu 8 hộ thôn Đăk Wok Yốp, thôn Tân Sang	BQLDA và DVCI	984,7	967,0	17,7	711,2	693,5	17,7	72,2	-
31	Đường đi khu sản xuất (đoạn từ nhà A Nhen đến rẫy ông Bảo), thôn Đăk Yo	BQLDA và DVCI	2.584,6	2.584,6		2.411,8	2.411,8		93,3	6,4
32	Đường đi khu sản xuất làng Xốp (Đoạn từ Km00+460 đến cầu treo làng Xốp)	BQLDA và DVCI	1.189,2	1.189,2		1.146,8	1.146,8		96,4	3,1
35	Đường nội làng Kleng (Các đoạn: Từ nhà A Phứu đến tỉnh lộ 675; từ nhà A Yêl đến tỉnh lộ 675; từ đường A Gió đến đường Urê)	BQLDA và DVCI	15,1		15,1	-			-	-
36	Đường nội làng Kđừ (Các đoạn: Từ nhà A Thức đến kênh thủy lợi; từ nhà A Tonh đến kênh thủy lợi; từ nhà A Treng đến giọt nước)	BQLDA và DVCI	0,4		0,4	-			-	
37	Đường nội làng Chốt (Các đoạn: Từ nhà A Kéch đến nhà A Se; từ nhà A Heoh đến nghĩa địa; từ nhà A Hát đến đường bê tông)	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
38	Đường nội làng Chốt (Đoạn từ nhà A Bên đến nhà A Trung)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ %	Dự kiến số vốn có khả năng giải ngân
			Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài	Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài		
39	Kiên cố hóa kênh nội đồng cánh đồng làng Kđừ	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
40	Đường nội làng Kleng (đoạn từ nhà A Gliuh đến đường A Gió; đoạn từ nhà A Jup đến đất nhà A Thuyñ)	BQLDA và DVCI	2,5		2,5	-			-	-
41	Đường nội làng Chốt (đoạn từ A Trung đến nhà A Lốp)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-
42	Đường đi khu sản xuất làng Kleng (đoạn từ đường Urê đến đất ông A Lue)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-
46	Đường nội làng Chốt (đoạn từ A Ram đến nhà A Blim)	BQLDA và DVCI	139,1	139,1		139,1	139,1		100,0	-
47	Sửa chữa, nâng cấp điểm trường làng Chốt	BQLDA và DVCI	760,4	760,4		751,7	751,7		98,9	-
48	Đường đi khu sản xuất làng Kleng (đoạn từ rẫy A Iu đến rẫy A Byom)	BQLDA và DVCI	786,0	786,0		786,0	786,0		100,0	-
IV	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		800,0	800,0	-	763,5	763,5	-	95,4	-
IV. 1	<i>Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú; trường phổ thông dân tộc bán trú; trường Phổ thông có học sinh bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số</i>		<i>800,0</i>	<i>800,0</i>	-	<i>763,5</i>	<i>763,5</i>	-	<i>95,4</i>	-
1	Trường THCS xã Rờ Koi (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: 02 phòng học chức năng và hạng mục phụ trợ	BQLDA và DVCI	800,0	800,0		763,5	763,5		95,4	-
V	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		156,0	156,0	-	-	-	-	-	156,0
1	Sửa chữa thiết chế nhà Văn hóa làng Kleng	BQLDA và DVCI	156,0	156,0		-			-	156,0
B	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		1.523,3	1.312,2	211,1	1.274,7	1.274,7	-	83,7	-
1	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn đường đi khu sản xuất dốc B20 khu vực rẫy ông Đỗ Thái Học)	BQLDA và DVCI	645,0	645,0		607,8	607,8		94,2	-
2	Đường nội thôn Nhơn Bình (Đoạn từ nhà ông Mai Văn Minh đến tỉnh lộ 675)	BQLDA và DVCI	167,0	167,0		167,0	167,0		100,0	

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ %	Dự kiến số vốn có khả năng giải ngân
			Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài	Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài		
3	Đường nội thôn Nhơn Bình (Đoạn từ đường liên thôn đến nhà ông Đồng Văn Long)	BQLDA và DVCI	271,0	271,0		271,0	271,0		100,0	-
4	Đường đi khu sản xuất thôn Nhơn Nghĩa (khu vực đồi kềm gai)	BQLDA và DVCI	229,2	229,2		229,0	229,0		99,9	-
5	Đường đi khu sản xuất làng Rắc (Đoạn từ rẫy ông A Như đến rẫy ông A Sư)	BQLDA và DVCI	1,6		1,6	-			-	-
6	Đường đi khu sản xuất làng Tráp (Đoạn từ rẫy ông Nguyễn Văn Bằng đến rẫy ông A Nhàng)	BQLDA và DVCI	13,6		13,6	-			-	-
7	Đường đi khu sản xuất làng Grập (Đoạn từ đầu cầu treo làng Grập đi điểm cuối khu sản xuất)	BQLDA và DVCI	7,2		7,2	-			-	
8	Đường đi khu sản xuất thôn Đăk Tang (Đoạn từ rẫy bà Lê Thị Huy đến rẫy ông Nguyễn Văn Thê)	BQLDA và DVCI	13,5		13,5	-			-	-
9	Đường sản xuất thôn Nghĩa Dũng (Đoạn từ nhà ông Mừng đến rẫy ông Giảng)	BQLDA và DVCI	14,6		14,6	-			-	-
10	Trường mầm non Hoa Sen, xã Sa Nghĩa. Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	BQLDA và DVCI	40,2		40,2	-			-	-
11	Đường đi khu sản xuất thôn Bar Góc (Đoạn từ rẫy ông A Minh Đức đến rẫy ông A Thái)	BQLDA và DVCI	0,2		0,2	-			-	-
12	Đường đi khu sản xuất Thôn 02 (Đoạn từ dốc ông Vinh thôn 2, xã Sa Sơn)	BQLDA và DVCI	0,2		0,2	-			-	-
13	Đường đi khu sản xuất thôn Sơn An (Đoạn từ nhà ông Phạm Văn Quân đến rẫy ông Huỳnh Đức)	BQLDA và DVCI	49,0		49,0	-			-	-
14	Đường đi khu sản xuất thôn 1 (Đoạn từ rẫy bà Đào đến rẫy ông Thái Văn Lực)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-
15	Đường đi khu sản xuất Thôn Bar góc (Đoạn từ rẫy ông A Đuih đến rẫy ông Trần Văn Dương)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	
16	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn đường từ rẫy ông Nguyễn Văn Dũng đến rẫy bà Trần Thị Hoa)	BQLDA và DVCI	23,8		23,8	-			-	-
17	Đường đi khu sản xuất thôn 2 (Đoạn nối tiếp từ đường đi khu sản xuất 123 đến rẫy ông Thành)	BQLDA và DVCI	46,6		46,6	-			-	-
18	Đường ngõ, xóm (đọc sản bóng) thôn Nhơn An	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-

TT	Nguồn vốn/ Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch năm 2025			Kết quả giải ngân kế hoạch vốn năm 2025			Tỷ lệ %	Dự kiến số vốn có khả năng giải ngân
			Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài	Tổng	Kế hoạch năm 2025	Năm 2024 kéo dài		
19	Đường ngõ, xóm thôn Nhơn An (Đoạn từ nhà ông Phan Thanh Sơn đến nhà bà Lê Thị Kim Hoa)	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
20	Đường ngõ, xóm thôn Nhơn An (Đoạn từ nhà bà Phan Thị Cảnh đến giáp đường lô 2)	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
21	Đường đi khu sản xuất thôn Nhơn Bình (Đoạn từ nhà máy Chế biến tinh bột sắn đến nghĩa trang thôn Nhơn Bình)	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	
22	Đường nội thôn Nhơn Bình (Đoạn từ nhà Mai Văn Tình đến nhà ông Nguyễn Chánh)	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
23	Đường nội thôn Nhơn Khánh (Đoạn từ trường Mầm non đến nhà ông Hinh)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-
24	Sửa chữa nhà rông thôn Nhơn Bình	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
25	Đường sản xuất thôn Đức Lý (đoạn từ Hội trường thôn đến giáp Vườn quốc gia Chư Mom Ray)	BQLDA và DVCI	0,1		0,1	-			-	-
26	Đường sản xuất khu vực cầu treo thôn Nhơn Khánh (đoạn nối tiếp)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-
27	Đường sản xuất thôn Đức Lý (Đoạn từ ngã ba đường trục thôn đi hướng đập nước)	BQLDA và DVCI	0,0		0,0	-			-	-